

Số: *41* /2022/NQ-HĐND

Quảng Bình, ngày *10* tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định một số chế độ, định mức bảo đảm hoạt động
của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 8**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị quyết số 524/2012/NQ-UBTVQH13 ngày 20 tháng 9 năm
2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt
động của Quốc hội;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm
2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Quy định về chế độ, chính sách
và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;*

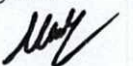
*Xét Tờ trình số 209a/TTr-TTHĐND ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Thường
trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua
Nghị quyết ban hành Quy định một số chế độ, định mức bảo đảm cho hoạt động
của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban
Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân
dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chế độ, định mức bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Bình.

(Có Quy định chi tiết kèm theo).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.



Điều 3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 08/2016/NQ-HĐND ngày 24 tháng 10 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVII, nhiệm kỳ 2016 - 2021 về việc quy định một số chế độ, định mức chi phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Bình.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban và đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Báo Quảng Bình, Đài PTTH Quảng Bình;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.



Trần Hải Châu



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Một số chế độ, định mức bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Bình

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 41 /2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chế độ, định mức bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Bình, bao gồm: Hội đồng nhân dân tỉnh; Hội đồng nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Hội đồng nhân dân các xã, phường, thị trấn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Chủ tọa kỳ họp Hội đồng nhân dân, Thư ký kỳ họp Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách và không chuyên trách các cấp tỉnh Quảng Bình;

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và các đối tượng có liên quan tham gia, phục vụ cho hoạt động của Hội đồng nhân dân (sau đây viết tắt là HĐND) các cấp tỉnh Quảng Bình.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Sử dụng có hiệu quả kinh phí hoạt động của HĐND, thực hiện đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Phòng chống tham nhũng và Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

2. Các quy định về chế độ, định mức hỗ trợ hoạt động của HĐND các cấp được thực hiện từ kinh phí được giao hàng năm. Các khoản chi thuộc HĐND cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo, được đưa vào dự toán ngân sách hàng năm và quyết toán với ngân sách cùng cấp;

3. Định mức hỗ trợ tại Quy định này là mức chi tối đa. Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách của từng địa phương, dự toán được giao hàng năm và các quy định hiện hành của Nhà nước, Thường trực HĐND, Ủy ban nhân dân các cấp quyết định nội dung chi, mức chi phù hợp;

4. Các chế độ chi khác đảm bảo hoạt động HĐND các cấp không có trong Quy định này được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh Quảng Bình.

A handwritten signature in black ink, located at the bottom right of the page.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Xây dựng và hoàn thiện nghị quyết, báo cáo trình tại kỳ họp

1. Đối với xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật do Thường trực HĐND trình:

Áp dụng theo Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật; Thông tư 42/2022/TT-BTC ngày 06/7/2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính.

2. Đối với xây dựng nghị quyết cá biệt do Thường trực HĐND trình:

- Cấp tỉnh: 500.000 đồng/ng nghị quyết;
- Cấp huyện: 300.000 đồng/ng nghị quyết;
- Cấp xã: 200.000 đồng/ng nghị quyết.

3. Đối với hoàn thiện nghị quyết của HĐND theo sự phân công của Thường trực HĐND:

- Cấp tỉnh: 500.000 đồng/ng nghị quyết;
- Cấp huyện: 300.000 đồng/ng nghị quyết;
- Cấp xã: 200.000 đồng/ng nghị quyết.

4. Đại biểu HĐND nghiên cứu nghị quyết, đề án trình HĐND tại kỳ họp *(không áp dụng đối với các nghị quyết về bầu cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cho thôi làm nhiệm vụ, nghị quyết không thực hiện việc thẩm tra)*:

- Cấp tỉnh: 150.000 đồng/ng nghị quyết, đề án/đại biểu;
- Cấp huyện: 70.000 đồng/ng nghị quyết, đề án/đại biểu;
- Cấp xã: 50.000 đồng/ng nghị quyết, đề án/đại biểu.

5. Chi soạn thảo văn bản báo cáo thẩm tra các báo cáo, nghị quyết, đề án trình tại kỳ họp *(trừ chi soạn thảo văn bản báo cáo thẩm tra nghị quyết quy phạm pháp luật do Thường trực HĐND trình)*:

a) Đối với cơ quan chủ trì thẩm tra:

- Cấp tỉnh: 500.000 đồng/ báo cáo;
- Cấp huyện: 300.000 đồng/ báo cáo;
- Cấp xã: 200.000 đồng/ báo cáo.

b) Đối với cơ quan phối hợp thẩm tra: Mức chi bằng 50% mức chi quy định tại điểm a khoản này.



Điều 5. Chế độ ăn nghỉ, bồi dưỡng cho đại biểu HĐND và Chủ tọa, Thư ký tại kỳ họp

1. Mức chi tiền ăn, nghỉ của đại biểu HĐND và khách mời thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính.

Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện có trách nhiệm bố trí địa điểm ăn, nghỉ của đại biểu HĐND và khách mời ở xa để đảm bảo an ninh, thuận tiện cho việc tham dự kỳ họp. Thường trực HĐND cấp xã có trách nhiệm bố trí địa điểm ăn, nghỉ của đại biểu HĐND và khách mời ở địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn tham dự kỳ họp.

2. Chế độ bồi dưỡng tại kỳ họp

- Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/ngày;
- Cấp huyện: 100.000 đồng/người/ngày;
- Cấp xã: 50.000 đồng/người/ngày.

Đại biểu HĐND họp vào ngày thứ Bảy, Chủ Nhật được hưởng gấp hai lần so với mức quy định tại khoản 2, điều này.

3. Hỗ trợ tổng kết kỳ họp cuối nhiệm kỳ (nếu có) bằng hai lần mức chi quy định tại Khoản 2 Điều này.

4. Chế độ chi cho Chủ tọa kỳ họp, Thư ký kỳ họp:

a) Chủ tọa kỳ họp:

- Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/buổi;
- Cấp huyện: 150.000 đồng/người/buổi;
- Cấp xã: 100.000 đồng/người/buổi.

b) Thư ký kỳ họp:

- Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi;
- Cấp huyện: 100.000 đồng/người/buổi;
- Cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

Điều 6. Chi cho công tác giám sát, khảo sát

1. Chi xây dựng văn bản giám sát, khảo sát:

a) Chi xây dựng văn bản triển khai kế hoạch giám sát, khảo sát:

- Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/1 đợt giám sát, khảo sát;
- Cấp huyện: 500.000 đồng/1 đợt giám sát, khảo sát;
- Cấp xã: 300.000 đồng/1 đợt giám sát, khảo sát.



b) Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát, khảo sát của các đoàn giám sát, khảo sát:

- Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/1 đợt giám sát, khảo sát;
- Cấp huyện: 1.000.000 đồng/1 đợt giám sát, khảo sát;
- Cấp xã: 600.000 đồng/1 đợt giám sát, khảo sát.

c) Chi cho thành viên tham gia đoàn giám sát, khảo sát:

- Người chủ trì:
 - + Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/buổi;
 - + Cấp huyện: 150.000 đồng/người/buổi;
 - + Cấp xã: 70.000 đồng/người/buổi.
- Thành viên, Thư ký, Tổ giúp việc:
 - + Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi;
 - + Cấp huyện: 100.000 đồng/người/buổi;
 - + Cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

2. Chi giám sát văn bản quy phạm pháp luật:

- Cấp tỉnh: 150.000 đồng/văn bản;
- Cấp huyện: 70.000 đồng/văn bản.

3. Chi cho hoạt động chất vấn, giải trình:

Chi cho việc xây dựng các văn bản phục vụ hoạt động chất vấn tại kỳ họp HĐND; phiên họp chất vấn, giải trình của Thường trực HĐND:

- Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/kỳ họp, phiên họp;
- Cấp huyện: 500.000 đồng/kỳ họp, phiên họp;
- Cấp xã: 200.000 đồng/kỳ họp, phiên họp.

Điều 7. Chi hoạt động tiếp xúc cử tri

1. Hỗ trợ cho các điểm tiếp xúc cử tri để trang trí, khánh tiết, hội trường, điện nước, âm thanh, nước uống,... và một số khoản chi khác:

- Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/điểm tiếp xúc trực tiếp;
- Cấp huyện: 1.000.000 đồng/điểm tiếp xúc trực tiếp;
- Cấp xã: 500.000 đồng/điểm tiếp xúc trực tiếp.

Mức hỗ trợ trên đã bao gồm chế độ bồi dưỡng cho người chủ trì, thư ký cuộc tiếp xúc cử tri với mức chi:

- Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi;
- Cấp huyện: 100.000 đồng/người/buổi;
- Cấp xã: 70.000 đồng/người/buổi.



Trường hợp tiếp xúc cử tri qua phương tiện thông tin đại chúng hoặc hình thức khác thì mức chi bằng $\frac{1}{2}$ mức chi tại khoản 1 điều này; trong trường hợp đặc biệt do Thường trực HĐND quyết định sau khi thống nhất với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp.

2. Đại biểu HĐND các cấp thực hiện khoán chi tiếp xúc cử tri:

- Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/đại biểu/năm;
- Cấp huyện: 1.000.000 đồng/đại biểu/năm;
- Cấp xã: 500.000 đồng/đại biểu/năm.

3. Cán bộ, công chức tham gia phục vụ tiếp xúc cử tri:

- Cấp tỉnh: 300.000 đồng/người/đợt tiếp xúc cử tri;
- Cấp huyện: 200.000 đồng/người/đợt tiếp xúc cử tri;
- Cấp xã: 100.000 đồng/người/đợt tiếp xúc cử tri.

4. Chi xây dựng báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri:

- Cấp tỉnh: 500.000 đồng/báo cáo chung;
- Cấp huyện: 300.000 đồng/báo cáo chung;
- Cấp xã: 150.000 đồng/báo cáo chung.

Điều 8. Chi tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo

1. Chi tiếp công dân: Trường hợp đại biểu HĐND tiếp công dân chung tại trụ sở tiếp công dân của tỉnh và tiếp công dân riêng tại Trụ sở tiếp công dân của Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện theo mức chi quy định của UBND tỉnh.

2. Chi xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về chế độ chi xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo.

Điều 9. Chi hoạt động của Thường trực HĐND, các Ban HĐND, Tổ đại biểu HĐND và Văn phòng

1. Chi cho hoạt động giám sát tại các cuộc họp, hội nghị

Đại biểu HĐND tham dự các cuộc họp, hội nghị của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và Văn phòng chủ trì tổ chức bao gồm: Hội nghị, hội thảo lấy ý kiến góp ý các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết quy phạm pháp luật; phiên họp thường kỳ hàng tháng của Thường trực HĐND; các cuộc họp để lấy ý kiến hoặc thông qua các báo cáo giám sát, khảo sát, thẩm tra; các cuộc giao ban định kỳ giữa HĐND các cấp thì được chi trả chế độ giám sát:

- Cấp tỉnh, cấp huyện:
 - + Người chủ trì: 200.000 đồng/người/buổi;
 - + Thành viên tham dự: 150.000 đồng/người/buổi.
- Cấp xã:
 - + Người chủ trì: 100.000 đồng/người/buổi;



+ Thành viên tham dự: 50.000 đồng/người/buổi.

2. Đối với đại diện cơ quan báo chí, phóng viên báo chí trung ương, địa phương và các bản tin, cổng/trang thông tin điện tử trên địa bàn tỉnh tham dự họp báo do Thường trực HĐND tỉnh tổ chức, mức chi 300.000 đồng/người/cuộc.

3. Chi xây dựng báo cáo định kỳ 6 tháng, năm, nhiệm kỳ liên quan hoạt động HĐND (không áp dụng đối với các báo cáo không định kỳ hoặc các báo cáo đã có chế độ riêng quy định tại Nghị quyết này).

- Cấp tỉnh: 500.000 đồng/báo cáo;
- Cấp huyện: 300.000 đồng/báo cáo;
- Cấp xã: 200.000 đồng/báo cáo.

4. Chi hỗ trợ hoạt động của Tổ đại biểu HĐND

- Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/năm;

Căn cứ tình hình ngân sách, Thường trực HĐND cấp huyện, cấp xã quyết định mức hỗ trợ hoạt động của Tổ đại biểu HĐND cho phù hợp nhưng không vượt quá định mức cấp huyện 2.000.000 đồng/năm; cấp xã 1.000.000 đồng/năm.

Điều 10. Chi phụ cấp kiêm nhiệm cho đại biểu HĐND

Đại biểu HĐND được hưởng phụ cấp trách nhiệm đối với chức danh không chuyên trách hàng tháng (đối với đại biểu kiêm nhiệm nhiều chức danh thì chỉ được hưởng một mức cao nhất):

1. Chủ tịch HĐND:

- Cấp tỉnh, cấp huyện: Thực hiện theo Thông tư số 78/2005/TT-BNV ngày 10 tháng 8 năm 2005 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp kiêm nhiệm đối với cán bộ, công chức, viên chức kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo đứng đầu cơ quan, đơn vị khác.

- Cấp xã: Thực hiện theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố. Trong trường hợp không được hưởng phụ cấp do số lượng cán bộ, công chức cấp xã đã đủ số lượng theo quy định thì được hỗ trợ phụ cấp trách nhiệm bằng 0,2 mức lương cơ sở.

2. Trưởng ban của HĐND:

- Cấp tỉnh: 0,4 mức lương cơ sở;
- Cấp huyện: 0,3 mức lương cơ sở;
- Cấp xã: 0,2 mức lương cơ sở.



3. Phó Trưởng ban của HĐND cấp xã: 0,1 mức lương cơ sở.

4. Ủy viên các ban của HĐND:

- Cấp tỉnh: 0,2 mức lương cơ sở;
- Cấp huyện: 0,15 mức lương cơ sở.

5. Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND:

- Cấp tỉnh: 0,3 mức lương cơ sở;
- Cấp huyện: 0,2 mức lương cơ sở.

6. Tổ phó Tổ đại biểu HĐND:

- Cấp tỉnh: 0,2 mức lương cơ sở;
- Cấp huyện: 0,1 mức lương cơ sở.

Trong trường hợp HĐND cấp xã thành lập Tổ đại biểu HĐND xã thì Tổ trưởng được hưởng phụ cấp hàng tháng bằng 0,1 mức lương cơ sở.

Điều 11. Một số điều kiện đảm bảo cho hoạt động của đại biểu HĐND

Đại biểu HĐND tham gia HĐND nhiều cấp (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) thì chỉ được hỗ trợ một mức của đại biểu HĐND cấp cao nhất đối với những quy định tại Điều 11 này:

1. Mỗi nhiệm kỳ HĐND, đại biểu HĐND các cấp được hỗ trợ may lễ phục đầu nhiệm kỳ:

- Cấp tỉnh: 5.000.000 đồng/đại biểu;
- Căn cứ tình hình ngân sách, Thường trực HĐND cấp huyện, cấp xã quyết định mức hỗ trợ may trang phục của đại biểu HĐND cho phù hợp nhưng không quá định mức: cấp huyện 4.000.000 đồng/đại biểu; cấp xã 3.000.000 đồng/đại biểu.

2. Hỗ trợ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ cho đại biểu HĐND:

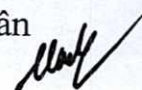
- Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/đại biểu/năm;
- Cấp huyện: 1.000.000 đồng/đại biểu/năm;
- Cấp xã: 500.000 đồng/đại biểu/năm.

3. Đại biểu HĐND các cấp được hỗ trợ tiền công tác phí hàng tháng:

- Cấp tỉnh: 300.000 đồng/người/tháng;
- Cấp huyện: 200.000 đồng/người/tháng.

Căn cứ vào tình hình thực tế, Thường trực HĐND cấp xã quyết định mức hỗ trợ công tác phí hàng tháng cho đại biểu HĐND cấp xã cho phù hợp nhưng không vượt quá định mức 100.000 đồng/người/tháng.

4. Căn cứ khả năng ngân sách và nhu cầu thực tế, Thường trực HĐND các cấp quyết định cung cấp cho mỗi đại biểu Báo Đại biểu nhân dân, Báo Nhân



dân, Báo Quảng Bình; thiết bị công nghệ thông tin và các trang thiết bị khác phục vụ công việc.

5. Việc chi phục vụ các đoàn công tác của Thường trực HĐND, các Ban HĐND và các cá nhân tham gia đoàn công tác do HĐND cấp triệu tập đảm bảo.

Điều 12. Chi tổng kết nhiệm kỳ

Kế hoạch tổng kết nhiệm kỳ do Thường trực HĐND các cấp căn cứ điều kiện ngân sách và nhu cầu thực tế xem xét, quyết định.

Điều 13. Một số chế độ chi khác

1. Hỗ trợ khai thác, nghiên cứu tài liệu cho đại biểu HĐND chuyên trách hàng tháng (ngoài tài liệu, sách báo được cấp theo quy định):

- Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/người/tháng;
- Cấp huyện: 700.000 đồng/người/tháng;
- Cấp xã: 300.000 đồng/người/tháng.

2. Chi hỗ trợ tiền điện thoại cho các chức danh Phó Trưởng ban HĐND tỉnh hoạt động chuyên trách, Phó Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh

- Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/tháng.

3. Thuê chuyên gia, tư vấn phục vụ hoạt động của HĐND (nếu có): Thường trực HĐND vận dụng các mức chi có nội dung và tính chất công việc tương đương để chỉ đạo xây dựng dự toán phù hợp và phê duyệt thực hiện.

4. Đại biểu HĐND đi tham quan, học tập kinh nghiệm và trao đổi kỹ năng hoạt động: Thường trực HĐND các cấp căn cứ điều kiện kinh phí và nhu cầu thực tiễn hàng năm để lập kế hoạch, dự toán cụ thể và phê duyệt thực hiện.

5. Chi trợ cấp hoạt động khác cho đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách và cán bộ, công chức, nhân viên Văn phòng:

- Cấp tỉnh: 500.000 đồng/người/tháng.
- Căn cứ tình hình ngân sách, Thường trực HĐND cấp huyện, cấp xã quyết định mức chi trợ cấp hoạt động khác hàng tháng cho đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách và cán bộ, công chức, nhân viên Văn phòng trực tiếp tham mưu, phục vụ các hoạt động của HĐND cấp huyện, cấp xã cho phù hợp nhưng không vượt quá định mức cấp huyện 200.000 đồng/người/tháng; cấp xã 100.000 đồng/người/tháng.

Điều 14. Chi cho hoạt động xã hội

1. Chế độ thăm hỏi, tặng quà đối với các đối tượng chính sách và một số đối tượng khác nhân dịp lễ, tết cổ truyền bao gồm:

- Các đối tượng chính sách được quy định tại khoản 1 Điều 2 của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng ngày 09/12/2020; các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, trong lao động sản xuất, trong phòng chống dịch bệnh; các tập thể đang làm nhiệm vụ trong những ngày Lễ, Tết; các tập thể

thuộc diện chính sách xã hội, như trại điều dưỡng thương, bệnh binh, trại trẻ mồ côi, người khuyết tật; trường dân tộc nội trú, các đơn vị bộ đội, công an ở biên giới, hải đảo,...; gia đình quân nhân làm nhiệm vụ nơi biên giới, hải đảo; gia đình đồng bào dân tộc thiểu số thuộc các vùng đặc biệt khó khăn; hộ nghèo và cá nhân gặp rủi ro do bị bệnh hiểm nghèo, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh,...

- Hỗ trợ các cơ quan, địa phương tổ chức các lễ hội cấp tỉnh và các lễ hội khác theo chủ trương chung của tỉnh.

Mức chi giá trị quà tặng do Thường trực HĐND từng cấp quyết định theo quy định

2. Thăm hỏi ốm đau, trợ cấp khó khăn đột xuất, tang chế đối với đại biểu HĐND, cha, mẹ vợ (chồng), vợ (chồng), con của đại biểu HĐND do Thường trực HĐND từng cấp quyết định theo quy định.

Điều 15. Chế độ chi cho cán bộ, công chức và một số đối tượng khác phục vụ hoạt động của HĐND

1. Cán bộ, công chức, người lao động của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện, UBND cấp xã trực tiếp tham mưu, giúp việc và các đối tượng khác phục vụ hoạt động của HĐND các cấp (có phân công bằng văn bản của cơ quan chủ quản) được hỗ trợ bằng mức 70% của đại biểu HĐND cùng cấp đối với các nội dung tại khoản 4 Điều 4, khoản 2 Điều 5, điểm c khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 13 Quy định này.

2. Cán bộ, công chức, người lao động của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện, UBND cấp xã trực tiếp tham mưu, giúp việc, phục vụ hoạt động của HĐND (có phân công bằng văn bản của cơ quan chủ quản) được hỗ trợ may trang phục bằng 50% mức chi cho đại biểu HĐND theo từng cấp quy định tại Khoản 1 Điều 11.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Căn cứ vào chế độ, định mức chi tiêu tài chính hiện hành của nhà nước, của tỉnh và các định mức chi tiêu tại Nghị quyết này, Thường trực HĐND, UBND các cấp và các cơ quan liên quan có trách nhiệm chỉ đạo triển khai thực hiện đúng đối tượng, định mức, đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐND các cấp; thực hiện chế độ chi, thanh quyết toán theo quy định của pháp luật./.

